**BÀI 4 – NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**(VĂN BẢN THÔNG TIN)**

**A. TỔNG QUAN**

|  |
| --- |
| **MỤC TIÊU BÀI HỌC**  |
| **1. Về năng lực chung** |  - **Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,…. |
| **2. Về năng lực đặc thù** | * **Học sinh phân tích và đánh giá** được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.
* **Học sinh nhận biết** được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.
* **Học sinh biết suy luận và phân tích** mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; **nhận biết** được thái độ và quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.
* **Học sinh viết** được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp
* **Học sinh biết trình bày** báo cáo về một vấn đề xã hội/ tự nhiên.
 |
| **3. Về phẩm chất**  | Học sinh trân trọng và có ý thức giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc. |
| **NỘI DUNG BÀI HỌC**  |
| **Đọc**  | * Sơn Đoòng – Thế giới chỉ có một
* Đồ gốm gia dụng của người Việt
* **KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**: Chân quê (Nguyễn Bính)
* **MỞ RỘNG**: Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai
 |
| **Thực hành Tiếng Việt** | * Trích dẫn và phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản
 |
| **Viết**  | * Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội
 |
| **Nói và nghe**  | * Trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội
 |
| **Ôn tập**  | * Ôn tập chủ đề
 |

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**TIẾT ….. TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

**- Học sinh ghi nhớ** được khái niệm của văn bản thông tin

**- Học sinh nhận biết** các yếu tố hình thức, dữ liệu, thông tin cơ bản trong văn bản thông tin

**- Học sinh xác định** được thái độ, ý kiến quan điểm của người viết trong văn bản thông tin

**2. Về năng lực chung**: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Học sinh trân trọng và có ý thức giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ** **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học**b. Nội dung thực hiện**: * GV đặt câu hỏi: Trong 1ph, liệt kê các dạng của văn bản thông tin mà em đã học
 |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** **GV đặt câu hỏi:** Trong 1ph, liệt kê các dạng của văn bản thông tin mà em đã học**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh suy nghĩ và trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên dẫn dắt vào bài học | HS có thể trả lời: * Bản tin thời sự
* Tin vắn
* Bản tin (Báo chí)
* Thông tin qua các bài đăng trên FB
* …
 |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI****a. Mục tiêu hoạt động**: **- Học sinh ghi nhớ** được khái niệm của văn bản thông tin **- Học sinh nhận biết** các yếu tố hình thức, dữ liệu, thông tin cơ bản trong văn bản thông tin**- Học sinh xác định** được thái độ, ý kiến quan điểm của người viết trong văn bản thông tin**b. Nội dung thực hiện:** * Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu và hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu về văn bản thông tin
 |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** Giáo viên giao nhiệm vụ đọc phần tri thức Ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh suy nghĩa và trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản  | **1. Mục đích:** Văn bản thông tin được viết nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin cho người đọc. Để truyền tải thông tin sinh động, hiệu quả, văn bản thông tin có thể sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, nhiều cách trình bày (dạng chữ, dạng hình ảnh/ sơ đồ/ bảng biểu,...), nhiều phương thức biểu đạt (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận,...). **2. Các yếu tố hình thức trong văn bản thông tin**: Văn bản thông tin có thể sử dụng một số yếu tố hình thức (bao gồm cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để biểu thị cách sắp xếp, cấu trúc thông tin trong văn bản hoặc làm cho các ý tưởng và thông tin hấp dẫn, sinh động, dễ hiểu. Chẳng hạn như: nhan đề; kí hiệu đánh dấu các phần, mục chú thích cho hình ảnh; bảng số liệu; biểu đồ, sơ đồ, lược đồ; mô hình bản đồ,...3. **Dữ liệu trong văn bản thông tin** là sự thật hiển nhiên hoặc những phát biểu/ tuyên bố được xác minh bằng những bằng chứng cụ thể, được đo lường, quan sát một cách khoa học và mọi người công nhận. Vì thế, dữ liệu mang tính khách quan và là yếu tố làm nên tính chính xác, đáng tin cậy của văn bản thông tin.**4. Thái độ, ý kiến, quan điểm của người viết** trong văn bản thông tin thường được trình bày dưới dạng những phát biểu thể hiện niềm tin, cảm nhận hoặc suy nghĩ của người viết về một vấn đề/ đối tượng nào đó. Ý kiến, quan điểm có thể được/ không được xác minh bằng sự thật hoặc chứng cứ cụ thể, vì đó có thể là những suy nghĩ cảm tính hoặc diễn giải của người viết về thông tin, dữ liệu. Vì vậy, thái độ, ý kiến và quan điểm thường mang tính chủ quan. Đó là lí do dẫn đến hiện tượng cùng một dữ liệu, nhưng có thể có nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau về dữ liệu ấy.**5. Thông tin cơ bản của văn bản** là thông tin quan trọng nhất mà người viết muốn truyền tải văn bản. Thông tin cơ bản được hỗ trợ bởi các thông tin chi tiết. qua**6. Cách trình bày ý tưởng và thông tin, dữ liệu**: Ý tưởng và thông tin, dữ liệu trong văn bản thông tin thường được trình bày theo một số cách nhất định để hỗ trợ người đọc nhận ra mối liên hệ giữa chúng chẳng hạn như: ý chính và nội dung chi tiết, trật tự thời gian, cấu trúc nguyên nhân – kết quả, cấu trúc so sánh – đối chiếu, cấu trúc vấn đề – cách giải quyết. |